TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/DS - ST
Ngày 24 tháng 5 năm 2019
V/v "yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu; giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu"

NHÂN DÔNG
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Nhất;

2. Ông Đào Mạnh Tiến.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

- Đại diệnViện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên Tòa: Ông Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/5/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 47/2019/TLST-DS ngày 18/3/2019 về việc tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu và giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXX-ST ngày 07/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân C, sinh năm 1983.

Địa chỉ: thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: thôn T, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đinh Xuân Q, sinh năm 1978, địa chỉ: xã E,, huyện K, tỉnh Đắk Lăk. (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của ông Q là bà Nguyễn Thị H (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982, địa chỉ: xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lăk.(có mặt)

3. Bà Trần Thị D, sinh năm 1984, Địa chỉ: thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2018, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân C có mặt tại phiên Tòa trình bày:

Vào ngày 07/01/2017 âm lịch (tức ngày 03/02/2017 dương lịch) ông Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn Thị H cùng nhau thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của bà H đối với tài sản là 1/3 giá trị của 2 chiếc ô tô BKS 47B-01165 và 47B 00429 đứng tên đăng ký là ông Đinh Xuân Q. Việc ông C mua lại cổ phần vốn góp của bà H hai bên có lập giấy biên nhận ký ngày 03/02/2017 dương lịch. Giá chuyển nhượng hai bên thoản thuận ngoài là 1.733.000.000 đồng. Ông C đã thanh toán cho bà H làm 3 lần tổng cộng 900.000.000 đ. Cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 07/01/2017 âm lịch (ngày viết giấy bên nhận) thanh toán 400.000.000 đồng (tiền đặt cọc).

Lần 2: Ngày 07/02/2017 âm lịch thanh toán 450.000.000 đ.

Lần 3: Khoảng tháng 3/2018 âm lịch ông C thanh toán 50.000.000 đ.

Như vậy, đến nay ông C đã trả được cho bà H tổng cộng 900.000.000 đồng, còn lại 200.000.000 đ chưa trả được và hàng tháng ông C phải trả lãi cho bà H số tiền 2.000.000 đồng/tháng trên số tiền 200.000.000 đồng. Ông C đã trả cho bà H tổng cộng 48.000.000 đồng tiền lãi.

Khi chuyển nhượng, bà H có nói với ông C là 2 chiếc ô tô này là do 3 người góp mua chung là ông Đinh Xuân Q, bà Trần Thị D và bà H. Tổng mức đầu tư là 5,2 tỷ đồng, mỗi người góp 1/3, tương đương 1.066.000.000 đồng tiền mặt, còn lại là vay vốn ngân hàng ngoại thương thành phố B, tỉnh Đăk Lăk, vay với số tiền 2 tỷ đồng. Bà H chuyển cho ông C toàn bộ phần vốn góp để đầu tư mua xe với giá là 1,1 tỷ đồng tiền mặt, hàng tháng C còn phải trả 1/3 số tiền nợ ngân hàng.

Theo giấy biên nhận thì kể từ ngày 07/02/2017 âm lịch ông C được toàn quyền quyết định việc sử dụng kinh doanh khai thác xe và có trách nhiệm trả gốc và lãi ngân hàng cùng với Q và D.

Cùng ngày 07/02/2017 (âm lịch) bà H đưa cho ông C 41.000.000 đ để ông C trả gốc và lãi tại Ngân Hàng do H đã kinh doanh xe được 1 tháng và ông C đã mang ra trả cho ngân hàng 2 tháng gốc là 28.600.000 đ và lãi là 12.400.000 đồng.

Đến nay 3 người gồm ông C, bà D, ông Q đã trả cho Ngân hàng được 27 tháng với số tiền là 1.261.000.000 đồng cả gốc và lãi. Trong đó gốc là 1,1 tỷ đồng, lãi 161.000.000 đ. Riêng ông C đã trả cho ngân hàng được 366.666.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 53.666.000 đ tiền lãi. Trong đó có tiền của H đưa cho ông C trả gốc và lãi là

41.000.000 đ.

Kể từ 07/02/2017 âm lịch đến nay ông C cùng với ông Q và bà D kinh doanh và lợi nhuận chia đều mỗi người 1/3. Hàng tháng bà D thống kê lợi nhuận và thông báo cho ông C số lợi nhuận được hưởng, thì số tiền ông C được hưởng chỉ đủ trả gốc và lãi vay ngân hàng và tiền sửa chữa, bảo dưỡng ô tô.

Theo thỏa thuận 3 bên giữa bà H, bà D và ông Q thì khi thực hiện việc bán, trao đổi, cho tặng xe ô tô nói trên dưới mọi hình thức thì đều phải có sự nhất trí của 3 bên bằng văn bản riêng ngoài sự chứng kiến của công chứng viên. Bà H chuyển nhượng toàn bộ cổ phần góp mua xe cho ông C mà không có sự nhất trí của 3 bên bằng văn bản riêng ngoài sự chứng kiến của công chứng viên khiến cho ông C bị ông Q gây khó khăn cho ông C và cho rằng ông C không có cổ phần, không liên quan gì đến 2 chiếc ô tô trên. Và thực tế giữa ông C và bà H chưa làm thủ tục chuyển nhượng chính thức.

Nay ông C đề nghị Tòa án tuyên bố giao dịch chuyển nhượng cổ phần mua ô tô vô hiệu và buộc bà H trả cho ông C số tiền là 1.327.332.000 đồng. cụ thể:

- Tiền mua cổ phần 900.000.000 đồng.

- Tiền lãi hàng tháng ông C trả cho bà H là 48.000.000 đ.

- Tiền ông C đã trả cho ngân hàng thay cho bà H được 366.666.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 53.666.000 đ tiền lãi. Nhưng bà H đã đưa cho ông C 41.000.000 đ trả gốc và lãi cho ngân hàng thì nay số tiền gốc và lãi còn lại ông C yêu cầu bà H trả cho ông C là 379.332.000 đồng.

Ông C yêu cầu giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu là trả cho nhau những gì đã nhận, ông C không yêu cầu bà H phải bồi thương thiệt hại do giao dịch dân sự vô hiệu.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị H có mặt tại phiên Tòa trình bày:

Vào tháng 11/2016 bà H và ông Q bà D cùng thỏa thuận góp vốn mua chung 2 chiếc xe ô tô để trở khách BKS 47B-01165 và 47B-00429. Các bên thống nhất 2 chiếc ô tô đứng tên ông Q.

Tổng vốn góp 2 xe là 5,2 tỷ đồng, mỗi người góp 1/3 tương đương 1.733.000.000 đồng. Tiền mặt mỗi người góp 1.066.000.000 đồng còn lại là tiền vay trả góp ngân hàng. Ngân hàng Vietcombank Đắc Lắc cho vay 2 tỷ đồng.

Sau khi các bên thống nhất bà H đã góp vốn mua xe cùng với Q và D với số tiền là 1.066.000.000 đồng. Các bên cùng đi mua xe và giao cho ông Q đúng tên đăng ký.

Sau khi mua xe và đăng ký xong thì ngày 02/12/2016 dương lịch các bên góp vốn cùng đi đến văn phòng công chứng Đăk Lăk để ký văn băn thỏa thuận 3 bên có sự chúng kiến của công chứng viên. Sau đó các bên góp vốn cùng đưa xe vào khai thác tuyến vận tải trở khách từ Bắc Giang vào Đắc Lắc và ngược lại.

Sau khi kinh doanh được khoảng 1 tháng thì bà H thấy việc kinh doanh xe trở khách là không thích hợp nên bà H muốn chuyển nhượng cổ phần cho người khác. Ông C biết được nên đã đến đặt vấn đề là muốn mua lại cổ phần vốn góp của bà H để kinh doanh và được bà H đồng ý. Hai bên thống nhất ông C mua lại toàn bộ phần vốn góp là 1.733.000.000 đồng. Ông C phải trả cho bà H tiền mặt là 1,1 tỷ đồng và bà H đưa cho ông C 41 triệu từ tiền lợi nhuận của bà H kinh doanh xe 1 tháng để C trả cho Ngân hàng tiền gốc 2 tháng và 3 tháng tiền lãi.

Mọi người phân công ông Q phụ trách 1 xe và bà D phụ trách 1 xe và chịu trách nhiệm ghi chép sổ sách thu chi. Còn bà H thì không trực tiếp quản lý. Thời gian bà H kinh doanh cùng với Q và D thì sau 1 tháng bà H được chia lợi nhuận khoảng 70 triệu đồng. khi chia không trừ khấu hao xe.

Vào ngày 07/01/2017 âm lịch (tức ngày 03/02/2017 dương lịch) bà H và ông C có thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của bà H đối với tài sản là 1/3 giá trị của 2 chiếc ô tô BKS 47B-01165 và 47B 00429 được đứng tên đăng ký là ông Đinh Xuân Q sang cho ông C. Giá chuyển nhượng thoản thuận là 1.733.000.000 đồng có sự chứng kiến của bà Trần Thị D. Và ông C đã thanh toán cho bà H làm 3 lần tổng cộng 900.000.000 đ. Cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 07/01/2017 âm lịch (ngày viết giấy bên nhận) thanh toán cho bà H 400.000.000 đồng (tiền đặt cọc).

Lần 2: Ngày 07/02/2017 âm lịch thanh toán cho chị H số tiền 450.000.000đ.

Lần 3: Khoảng tháng 3/2018 (âm lịch) C đưa bà D 50.000.000 đ trả cho bà H.

Sau khi giao kết thì hai bên có lập văn bản là giấy biên nhận có nội D kể từ ngày 07/02/2017 âm lịch ông C toàn quyền quyết định sử dụng kinh doanh khai thác xe, và có trách nhiệm trả gốc và lãi hàng tháng cùng Q và D, Cường hẹn cuối năm 2017 trả lốt 250 triệu đồng thì bà H sang tên số điện thoại.

Bà H và ông C có thỏa thuận với nhau là trong năm 2017 thì ông C sẽ thanh toán lốt số tiền còn lại cho bà H và bà H cam kết bàn giao giấy tờ và tài sản phương tiện, sang tên số điện thoại. Ông C phải trả cho bà H hết số tiền còn thiếu. Thực tế thì từ ngày 07/01/2017 âm lịch bà H đã bàn giao giấy tờ: Hợp đồng ba bên, tài sản là 2 chiếc ô tô cho ông C. Bà H đã hoàn thành nghĩa vụ là giao giấy tờ và tài sản phương tiện, bàn giao chuyển tên số điện thoại sang tên Cường nhưng ông C cũng chưa trả hết tiền cho bà H. Hiện ông C còn thiếu là 200 triệu đồng chưa trả được.

Bà H đã hoàn thành nghĩa vụ với ông C theo như thỏa thuận còn ông C chưa hoàn thành nghĩa vụ với bà H là trả hết số tiền còn thiếu.

Kể từ khi chuyển nhượng đến nay thì hai bên không có tranh chấp gì. Nay ông C khởi kiện, bà H hoàn toàn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C. Căn cứ bà H đưa ra là:

Việc bà H và ông C chuyển nhượng phần vốn góp (đầu tư mua xe ô tô khách cho nhau) là hoàn toàn tự nguyện, trước khi chuyển nhượng có sự bàn bạc và thống nhất

của hai bên, không bên nào ép buộc bên nào. Ông C đã đồng ý việc chuyển nhượng này.

Trước khi chuyển nhượng đã được sự đồng ý của 2 người còn lại góp vốn mua ô tô là ông Đinh Xuân Q và bà Trần Thị D.

Sau khi chuyển nhượng thì bà H đã bàn giao quyền về tài sản cho Cường và ông C đã toàn quyền kinh doanh và khai thác phương tiện cùng với ông Q và bà D, hàng tháng ông C được ăn chia lợi nhuận.

Việc chuyển nhượng cổ phần vốn góp cho ông C đã được thực hiện trong thực tế và thực tế ông C đã sử dụng phương tiện và kinh doanh trong suốt thời gian vừa qua.

Việc ông C khởi kiện ra Tòa án với lý do giao dịch vi phạm về mặt hình thức do hai bên chưa làm thủ tục công chứng là không đúng với quy định của pháp luật vì pháp luật không quy định chuyển nhượng cổ phần vốn góp phải qua công chứng, chứng thực. Mặt khác, khi hòa giải tại Tòa án, Tòa án có cho các bên đi làm thủ tục công chứng giao dịch nhưng ông C từ chối với lý do không muốn tiếp tục thực hiện giao dịch này nữa.

Ngày 08/4/2018 bà H có đơn phản tố đề nghị giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là buộc ông C phải bồi thường thiệt hại do khấu hao tài sản là 2 chiếc xe ô tô BKS 47B-01165 và 47B 00429 đứng tên đăng ký là ông Đinh Xuân Q. Hội đồng định giá chiếc 2 chiếc xe ô tô này là 2.297.000.000 đồng. Khi mua chiếc xe này là 5,2 tỷ đồng. Do vậy khấu hao là 2.903.000.000 đồng. Mỗi người phải chịu khấu hao 1/3 = 967.666.000 đồng. Nếu như theo quy định của pháp luật mà giao dịch giữa bà H và ông C là vô hiệu thì bà H đề nghị giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu là buộc ông C phải bồi thường thiệt hại do khấu hao tài sản là 967.666.000 đồng.

Về số tiền chi phí thẩm định tài sản là 8.000.000 đồng bà H là đã thanh toán và quyến toán cho Công ty cổ phần thẩm định giá và tư vấn Việt Nam, bà H đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trần Thị D có mặt tại phiên Tòa trình bày:

Bà D thống nhất với lời khai của bà H về việc giữa bà D, bà H và ông Q cùng góp vốn mua chung 2 chiếc xe ô tô để trở khách BKS 47B-01165 và 47B-00429 để kinh doanh vận tải trở khách từ Bắc Giang vào Đắc Lắc và ngược lại và giao cho ông Q đúng tên.

Sau khi mua xe và đăng ký xong thì ngày 02/12/2016 dương lịch bà D, bà H, ông Q và bà Hồng vợ ông Q đi đến văn phòng công chứng Đăk Lăk để ký văn băn thỏa thuận 3 bên có sự chúng kiến của công chứng viên. Sau đó đưa xe vào khai thác tuyến vận tải. 3 người phân công ông Q phụ trách 1 xe, bà D phụ trách 1 xe và chịu trách nhiệm ghi chép sổ sách thu chi.

Sau khi kinh doanh được khoảng 1 tháng thì bà H chuyển nhượng cổ phần vốn góp cho ông C.

Việc chuyển nhượng có được sự đồng ý của bà D, Q và H.

Từ ngày 07/01/2017 âm lịch thì ông C là sở hữu phần vốn góp và cùng với 2 chúng bà D quản lý, kinh doanh và được ăn chia lợi nhuận. Trong quá trình kinh doanh giữa bà D với ông C và ông Q không có tranh chấp gì với nhau, hàng tháng chúng bà D có quyết toán thu chi và có chia lợi nhuận cho ông C. còn lợi nhuận mỗi người cụ thể tổng cộng là bao nhiêu thì bà D chưa kịp thống kê cụ thể vì nhiều sổ sách.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Xuân Q, ông Q vắng mặt nhưng ủy quyền cho bà H tham gia tố tụng, bà H có mặt trình bày:

Bà D thống nhất với lời khai của bà H và bà D về việc giữa bà D, bà H và ông Q cùng góp vốn mua chung 2 chiếc xe ô tô để trở khách BKS 47B-01165 và 47B-00429 để kinh doanh vận tải trở khách từ Bắc Giang vào Đắc Lắc và ngược lại và giao cho ông Q đúng tên, về việc công chứng văn bản thỏa thuận, việc phân chia quản lý xe và lợi nhuận.

Sau khi kinh doanh được khoảng 1 tháng thì bà H chuyển nhượng cổ phần vốn góp cho ông C.

Việc chuyển nhượng có được sự đồng ý của bà H, Q và D. Việc ông C cho rằng giữa bà H và ông C chuyển nhượng phần vốn góp cho nhau không được sự đồng ý của vợ chồng bà là không đúng. Việc xích mích giữa C và Q trong lúc làm ăn là việc cá nhân và là việc bình thường khi làm ăn chung. Thực tế ông C đã kinh doanh cùng với vợ chồng bà và bà D trong suốt thời gian 2 năm vừa qua và được quyết toán thu chi, ăn chia lợi nhuận hàng tháng, nay ông C thấy kinh doanh không có hiệu quả như ông C mong muốn nên ông C không muốn mua nữa.

Về kết quả định giá ngày 19/4/2019 như sau:

Xe ô tô BKS 47B-001.65 có giá trị thẩm định là 1.172.700.000 đồng.

Xe ô tô BKS 47B-004.29 có giá trị thẩm định là 1.124.300.000 đồng.

Tổng cộng: 2.297.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm chín mươi bảy triệu đồng).

Sau khi có kết quả định giá, Tòa án thông báo cho các bên đương sự được biết nhưng các bên đương sự không ai có ý kiến gì.

Tại phiên Tòa hôm nay bà H giữ nguyên quan điểm phản đối yêu cầu khởi kiện của ông C và cho rằng giao dịch chuyển nhượng cổ phần giữa bà H và ông C là hợp pháp. Bà H rút yêu cầu đề nghị Tòa án buộc ông C phải bồi thường thiệt hại cho bà H do khấu hao tài sản là 967.666.000 đồng:

Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền Cường chưa thanh toán hết cho bà H là 200.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 02/2019 đến khi xét xử sơ thẩm. Sau này nếu có phát sinh tranh chấp liên quan tới số tiền này thì bà H sẽ đề nghị giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Tại phiên Tòa hôm nay ông C rút yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch chuyển nhượng cổ phần mua ô tô vô hiệu buộc bà H trả cho ông C số tiền là 1.327.332.000 đồng. Đồng thời ông không không yêu cầu bà H phải trả cho ông C số tiền lãi trên số tiền 900 triệu đồng Cường đã thanh toán cho Huyền, tiền chi trả cho lái xe và phụ xe và tiền đóng bảo hiểm xe. Sau này nếu có phát sinh tranh chấp thì ông C sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày quan điểm giải quyết đối với vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân C đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch chuyển nhượng cổ phần vốn góp mua ô tô là vô hiệu.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân C về việc yêu cầu Tòa án buộc bà H trả cho ông C số tiền là 1.327.332.000 đồng.

Trong đó:

Số tiền 900.000.000 đồng ông C đã trả cho bà H;

Số tiền lãi hàng tháng ông C trả cho bà H là 48.000.000 đ.

Số tiền ông C đã trả cho ngân hàng thay cho bà H được 379.332.000 đồng tiền gốc và tiền lãi sau khi trừ đi số tiền 41.000.000 đ bà H đã đưa cho ông C để ông C trả gốc và lãi cho ngân hàng.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu tòa án buộc ông Nguyễn Xuân C phải bồi thường thiệt hại do khấu hao tài sản là 967.666.000 đồng cho bà H.

Về số tiền chi phí thẩm định tài sản là 8.000.000 đồng bà H đã thanh toán và quyến toán cho Công ty, nay bà H đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật nên cần buộc ông C phải chịu và trả cho bà H số tiền nay do yêu cầu khởi kiện của ông C không được chấp nhận.

Về án phí: ông Nguyễn Xuân C phải chịu án phí về yêu cầu giao dịch dân sự vô hiệu. Hoàn trả ông C tiền tạm ứng án phí về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Hoàn trả bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đinh Xuân Q vắng mặt tại phiên Tòa nhưng đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H tham gia tố tụng, bà Hồng có mặt tại phiên Tòa và vẫn tiếp tục nhận ủy quyền của ông Đinh Xuân Q nên Tòa án tiếp tục xét xử theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn Thị H là quan hệ dân sự liên quan tới việc chuyển nhượng phần vốn góp kinh doanh. Bị đơn có địa chỉ tại thôn T xã D, thành phố B. Do vậy, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội D*:

Vào tháng 11 năm 2016 ông C có mua lại cổ phần vốn góp mua ô tô trở khách của bà H. Trước khi nhượng lại cổ phần vốn góp cho ông C thì bà H cùng với ông Q và bà D, 3 người đã góp vốn mua chung tài sản để kinh doanh vận tải tuyến Bắc Giang - Đăk Lăk và ngược lại. Tài sản là 2 chiếc xe ô tô để trở khách BKS 47B-01165 và 47B-00429. Giá trị mua 2 chiếc xe này là 5,2 tỷ đồng, mỗi người góp 1/3 giá trị tương đương 1.733.000.000 đồng. Tiền mặt mỗi người góp 1.066.000.000 còn lại là tiền vay trả góp Ngân hàng Vietcombank Đắc Lắc với số tiền là 2 tỷ đồng. Việc góp vốn mua chung phương tiện vận tải để kinh doanh thì 3 bên đã lập văn bản thỏa thuận lập tại Văn phòng công chứng Đăk Lăk. Theo văn bản thỏa thuận này thì các bên thống nhất giao cho ông Q đứng tên đăng ký hai chiếc ô tô trên; khi thực hiện việc bán, trao đổi, cho tặng xe ô tô nói trên dưới mọi hình thức thì đều phải có sự nhất trí của 3 bên bằng văn bản riêng ngoài sự chứng kiến của công chứng viên. Khi bà H chuyển nhượng cho ông C thì có được sự đồng ý của vợ chồng ông Q bà H và bà D. Trong quá trình làm ăn, do mâu thuẫn, giữa Q và C đã xảy ra xích mích cãi cọ nhau. Ông C cho rằng mình bị ông Q gây khó khăn bằng việc Q nói với ông C là C không có cổ phần, không liên quan gì đến 2 chiếc ô tô trên.

Ông C đề nghị Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu với lý do: có mâu thuẫn với Q; Việc chuyển nhượng giữa ông C và bà H chưa làm thủ tục chuyển nhượng chính thức qua công chứng.

Bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C và cho rằng bà đã hoàn thành nghĩa vụ với ông C; hợp đồng đã có hiệu lực pháp luật.

[3.1]. *Xét về giao dịch dân sự chuyển nhượng phần vốn gốp đầu tư ngày* 07/01/2017 âm lịch (tức ngày 03/02/2017 dương lịch)*: Hội đồng xét xử thấy:*

Giao dịch này được lập thành văn bản dưới dạng giấy biên nhận. Hai bên ký kết với nhau là hoàn toàn tự nguyện và có năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội D của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Sau khi ký kết thì các bên đã thực hiện giao dịch. Ông C thanh toán một phần giá trị hợp đồng cho bà H. Cụ thể đã trả cho bà H số tiền 900 triệu đồng, còn thiếu 200 triệu đồng; đã nhận xe và cùng với Q và D kinh doanh từ 07/01/2017 âm lịch (tức ngày 03/02/2017 dương

lịch) đến nay và hàng tháng được ăn chia lợi nhuận. Bà H đã thực hiện xong nghĩa vụ với ông C theo như cam kết. Như vậy, giao dịch đã được thực hiện trong thực tế.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu với lý do: Việc chuyển nhượng giữa ông C và bà H chưa làm thủ tục chuyển nhượng chính thức qua công chứng. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định của Điều 119 Bộ luật dân sự quy định Hình thức giao dịch dân sự:

1. Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể.

Giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử được coi là giao dịch bằng văn bản.

2. Trường hợp luật quy định giao dịch dân sự phải được thể hiện bằng văn bản có công chứng, chứng thực, đăng ký thì phải tuân theo quy định đó.

Như vậy trong một số trường hợp cụ thể thì giao dịch dân sự bắt buộc phải công chứng, chứng thực, đăng ký theo quy định.

Đối chiếu với các quy định của pháp luật thì giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp giữa cá nhân với cá nhân không quy định phải được thể hiện bằng văn bản có công chứng, chứng thực, đăng ký.

Đối với nội D ghi trong biên bản thỏa thuận: *khi thực hiện việc bán, trao đổi, cho tặng xe ô tô nói trên dưới mọi hình thức thì đều phải có sự nhất trí của 3 bên bằng văn bản riêng ngoài sự chứng kiến của công chứng viên.* Đây là sự thỏa thuận của 3 bên đối với việc định đoạt tài sản là 2 chiếc ô tô trên. Sự thỏa thuận này là cần thiết và buộc các bên phải thực hiện. Tuy nhiên, tài sản này đang thế chấp ở Ngân hàng Vietcombank Đắc Lắc, chưa chuyển nhượng lại cho ai. Việc chuyển nhượng phần vốn góp giữa bà H và ông C không phải là bán, trao đổi, cho tặng xe ô tô. Mặt khác trước khi chuyển nhượng có được sự đồng ý của Q, H và D. Giao dịch giữa Huyền và Cường là giao dịch dân sự được pháp luật bảo vệ, hai bên đều tự nguyện, không bên nào bị ép buộc. Nên yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân C đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch chuyển nhượng cổ phần mua ô tô là vô hiệu là không có căn cứ chấp nhận.

[3.2]. Đối với việc ông C rút yêu cầu về việc đề nghị giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu là buộc bà H trả cho ông C số tiền là 1.327.332.000 đồng. Hội đồng xét xử cần đình chỉ yêu cầu này.

[3.3]. Đối với yêu cầu buộc bà H phải bồi thường cho C số tiền lãi trên số tiền 900 triệu đồng C đã thanh toán cho H, tiền chi trả cho lái xe và phụ xe và tiền đóng bảo hiểm xe, yêu cầu này không được Tòa án thụ lý do C yêu cầu sau khi đã tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông C đã không yêu cầu tòa án giải quyết nữa.

[3.4]. Đối với việc bà H rút yêu cầu phản tố về việc đề nghị giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu là buộc ông C phải bồi thường thiệt hại do khấu hao tài sản là 967.666.000 đồng. Hội đồng xét xử cần đình chỉ yêu cầu này.

[4]. *Về chi phí định giá tài sản:* Bà H đề nghị định giá và tạm ứng số tiền định giá được thanh quyết toán là 8.000.000 đồng. Cần phải buộc ông C phải chịu số tiền này và phải trả cho bà H số tiền này do yêu cầu khởi kiện của ông C không được chấp nhận.

[6]. Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện về việc tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu của ông C không được chấp nhận nên ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu.

Do ông C rút yêu cầu về việc yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu buộc bà H trả cho ông C số tiền 1.327.332.000 đồng, nên ông C không phải chịu án phí đối với yêu cầu này. Hoàn trả ông C tiền án phí đã nộp.

Do bà H rút yêu cầu phản tố của bà H về việc đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu là buộc ông C phải bồi thường thiệt hại do khấu hao tài sản là 967.666.000 đồng, nên bà H không phải chịu án phí đối với yêu cầu này. Hoàn trả bà H tiền án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 127 Bộ Luật dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 26, Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân C đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch chuyển nhượng cổ phần mua ô tô là vô hiệu.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân C về việc đề nghị giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu là buộc bà Nguyễn Thị H trả cho ông C số tiền là 1.327.332.000 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị H về việc đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu là buộc ông C phải bồi thường thiệt hại do khấu hao tài sản là 967.666.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về chi phí thẩm định, định giá: Buộc ông C phải chịu số tiền 8.000.000 đồng và phải trả cho bà H số tiền này do yêu cầu khởi kiện của ông C không được chấp nhận. Bà H được quyền lấy lại số tiền này khi ông C nộp trả.

5. Về án phí:

- Buộc ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu là 300.000 đồng.

- Trả lại cho ông Nguyễn Xuân C số tiền 25.910.000 đồng (hai mươi lăm triệu chín trăm mười nghìn đồng) theo biên lai số AA/2016/0000310 ngày 18/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 19.500.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2016/0000354 ngày 09/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

6. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKS TP B,
- CCTHA dân sự TP.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Trường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**